

Tác động của chi tiêu ngân sách nhà nước đến ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam

Trần Đức Biên¹

Ngày nhận bài: 11/02/2026 | Ngày gửi phản biện: 04/3/2026 | Ngày duyệt đăng: 26/3/2026

Tóm tắt: Bài viết phân tích tác động của chi tiêu ngân sách nhà nước đến ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam trong giai đoạn 2021-2024. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp, kết hợp các phương pháp thống kê mô tả, phân tích xu hướng, so sánh và tổng hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chi tiêu ngân sách nhà nước của Việt Nam tăng về quy mô tuyệt đối qua các năm và duy trì ở mức tương đối lớn so với GDP. Chi tiêu ngân sách nhà nước có vai trò quan trọng trong hỗ trợ tăng trưởng và góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế chịu tác động của các cú sốc từ bên ngoài. Tuy nhiên, tác động này còn gắn với cơ cấu chi ngân sách, hiệu quả giải ngân, chất lượng phân bổ nguồn lực công và mức độ phối hợp giữa chính sách tài khóa với chính sách tiền tệ. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước gắn với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: Chi tiêu ngân sách nhà nước, chính sách tài khóa, ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, lạm phát, Việt Nam.

The Impact of Government Spending on Macroeconomic Stability in Vietnam

Abstract: This paper examines the impact of state budget expenditure on macroeconomic stability in Vietnam during the 2021–2024 period. The study employs secondary data combined with descriptive statistics, trend analysis, comparative analysis, and synthesis. The findings indicate that Vietnam's state budget expenditure increased in absolute terms over the years and remained relatively high compared to GDP. State budget expenditure plays an important role in supporting economic growth and contributing to macroeconomic stability, especially when the economy faces external shocks. However, its impact on the expenditure structure, the efficiency of disbursement, the quality of public resource allocation, and the degree of coordination between fiscal policy and monetary policy. Based on these findings, the paper proposes several policy implications to improve the effectiveness of state budget expenditure in association with the goal of maintaining macroeconomic stability in Vietnam in the coming period.

Keywords: State budget expenditure, fiscal policy, macroeconomic stability, economic growth, inflation, Vietnam.

1. Giới thiệu

Ổn định kinh tế vĩ mô là mục tiêu trọng yếu của quản lý kinh tế nhà nước, đặc biệt đối với các nền kinh tế đang phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định không chỉ tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững mà còn củng cố niềm tin của nhà đầu tư, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài. Trong bối cảnh kinh tế thế giới nhiều biến động, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô ngày càng trở thành yêu cầu ưu tiên trong điều hành kinh tế ở Việt Nam.

Trong các công cụ quản lý kinh tế vĩ mô, chính sách tài khóa giữ vai trò quan trọng thông qua việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính công để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, chi tiêu ngân sách nhà nước (NSNN) là bộ phận trung tâm, phản ánh trực tiếp mức độ can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế. Thông qua chi ngân sách, Nhà nước có thể đầu tư vào kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ sản xuất, cung cấp dịch vụ công và thực hiện các chính sách

¹ Vụ Ngân sách nhà nước - Bộ Tài chính; Email: Bienductran.uk@gmail.com

an sinh xã hội. Vì vậy, chi tiêu ngân sách không chỉ là công cụ phân bổ nguồn lực mà còn là phương tiện điều tiết tổng cầu, hỗ trợ tăng trưởng và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Tuy nhiên, tác động của chi tiêu NSNN đối với ổn định kinh tế vĩ mô không hoàn toàn theo chiều hướng tích cực. Trong giai đoạn suy giảm kinh tế, mở rộng chi tiêu công có thể kích thích tổng cầu và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Ngược lại, nếu chi tiêu ngân sách vượt quá khả năng hấp thụ của nền kinh tế hoặc được phân bổ kém hiệu quả, điều này có thể làm gia tăng lạm phát, thâm hụt ngân sách, nợ công và ảnh hưởng tiêu cực đến ổn định kinh tế vĩ mô. Vì vậy, hiệu quả của chi tiêu ngân sách không chỉ phụ thuộc vào quy mô chi mà còn gắn với cơ cấu chi, hiệu quả sử dụng và khả năng phối hợp với các chính sách kinh tế vĩ mô khác.

Tại Việt Nam, chi tiêu NSNN luôn giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và ứng phó với các cú sốc kinh tế. Trong điều kiện nguồn lực ngân sách có hạn, nhu cầu chi tiêu công ngày càng tăng, trong khi áp lực cân đối ngân sách, kiểm soát nợ công và duy trì các cân đối vĩ mô ngày càng lớn, việc đánh giá tác động của chi tiêu NSNN đến ổn định kinh tế vĩ mô có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rõ nét.

Trong nghiên cứu kinh tế, mối quan hệ giữa chi tiêu công và ổn định kinh tế vĩ mô đã được đề cập khá rộng rãi. Nhiều công trình tập trung vào vai trò của chi tiêu công đối với tăng trưởng, lạm phát, bội chi ngân sách và tính bền vững tài khóa. Tại Việt Nam, các nghiên cứu chủ yếu tiếp cận từng khía cạnh riêng lẻ, trong khi những phân tích xem xét chi tiêu NSNN trong mối liên hệ tổng thể với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô vẫn còn hạn chế. Khoảng trống này cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục làm rõ vai trò, mức độ và cơ chế tác động của chi tiêu ngân sách đối với các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô chủ yếu. Do đó, bài viết phân tích tác động của chi tiêu NSNN đến ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam trên cơ sở dữ liệu thứ cấp từ các nguồn chính thức, kết hợp các phương pháp thống kê mô tả, phân tích xu hướng, so sánh và tổng hợp.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm chi tiêu ngân sách nhà nước

NSNN là công cụ tài chính cơ bản của Nhà nước, phản ánh quá trình huy động, phân phối và sử dụng nguồn lực tài chính công để thực hiện các chức năng của Nhà nước. Trong đó, chi tiêu NSNN là việc sử dụng quỹ ngân sách nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, duy trì hoạt động bộ máy nhà nước, bảo đảm quốc phòng - an ninh và thực hiện các chính sách xã hội.

Theo nội dung kinh tế, chi NSNN gồm hai nhóm chủ yếu là chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên. Chi đầu tư phát triển gắn với hình thành tài sản công, phát triển kết cấu hạ tầng và mở rộng năng lực sản xuất, do đó có tác động rõ hơn đến tăng trưởng dài hạn. Ngược lại, chi thường xuyên chủ yếu phục vụ hoạt động của khu vực công và cung cấp dịch vụ công thiết yếu.

Dưới góc độ điều hành vĩ mô, chi tiêu NSNN là bộ phận quan trọng của tổng cầu và là công cụ điều tiết kinh tế của Chính phủ. Sự thay đổi về quy mô hoặc cơ cấu chi tiêu có thể tác động đến sản lượng, việc làm, giá cả và các cân đối vĩ mô. Do đó, nghiên cứu chi tiêu ngân sách có ý nghĩa quan trọng trong phân tích hiệu lực của chính sách tài khóa đối với ổn định kinh tế vĩ mô.

2.2. Khái niệm ổn định kinh tế vĩ mô

Ổn định kinh tế vĩ mô là trạng thái trong đó các biến số kinh tế cơ bản được duy trì ở mức hợp lý, tương đối ổn định và không gây xáo trộn lớn đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Một nền kinh tế được coi là ổn định khi tăng trưởng được duy trì ở mức phù hợp, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn cơ bản được bảo đảm và rủi ro tài khóa, nợ công nằm trong giới hạn an toàn.

Trong nghiên cứu thực nghiệm, ổn định kinh tế vĩ mô thường được phản ánh qua các chỉ tiêu như tăng trưởng GDP, lạm phát, thâm hụt ngân sách, nợ công, cán cân thanh toán hoặc tỷ giá. Đối với chủ đề này, ổn định kinh tế vĩ mô được tiếp cận chủ yếu thông qua mối quan hệ giữa chi tiêu NSNN với tăng trưởng kinh tế, lạm phát và cân đối ngân sách.

2.3. Cơ sở lý thuyết về tác động của chi tiêu ngân sách nhà nước đến ổn định kinh tế vĩ mô

Lý thuyết Keynes nhấn mạnh vai trò của chi tiêu công trong bù đắp thiếu hụt tổng cầu, kích thích sản xuất và tạo việc làm khi nền kinh tế suy giảm. Theo đó, chi tiêu NSNN là công cụ quan trọng để ổn định chu kỳ kinh tế và hỗ trợ phục hồi tăng trưởng. Các lý thuyết tăng trưởng hiện đại cho rằng, chi tiêu công cho kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế và khoa học - công nghệ có thể nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

Tuy nhiên, các quan điểm cổ điển và tân cổ điển cho rằng, mở rộng chi tiêu công quá mức có thể dẫn đến thâm hụt ngân sách, gia tăng nợ công và hiệu ứng lấn át đầu tư tư nhân. Nếu chi tiêu công được tài trợ bằng phát hành tiền hoặc diễn ra khi tổng cầu vượt quá năng lực cung, lạm phát có thể gia tăng và làm suy giảm ổn định kinh tế vĩ mô. Như vậy, tác động của chi tiêu NSNN đến ổn định kinh tế vĩ mô không mang tính tuyệt đối mà phụ thuộc vào quy mô chi tiêu, cơ cấu chi ngân sách, hiệu quả sử dụng nguồn lực, cách thức tài trợ thâm hụt và bối cảnh vận hành của nền kinh tế.

3. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, mối quan hệ giữa chi tiêu công và các mục tiêu kinh tế vĩ mô đã được nghiên cứu khá rộng rãi. Nhiều nghiên cứu cho thấy, chi tiêu công có thể tác động tích cực đến tăng trưởng nếu được phân bổ hợp lý và sử dụng hiệu quả. Tuy nhiên, tác động này phụ thuộc đáng kể vào bối cảnh thể chế và chất lượng quản trị tài khóa. Trong những nền kinh tế có kỷ luật ngân sách yếu hoặc hiệu quả đầu tư công thấp, gia tăng chi tiêu có thể làm gia tăng bội chi, áp lực nợ công và bất ổn kinh tế vĩ mô.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu đã phân tích tác động của chi tiêu công đến tăng trưởng kinh tế, hiệu quả chi tiêu công, cơ cấu chi ngân sách và mối quan hệ giữa bội chi với tăng trưởng, lạm phát. Hiện nay, phần lớn các nghiên cứu xem xét chi tiêu NSNN trong mối quan hệ tổng thể với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô còn hạn chế.

4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu thứ cấp từ các nguồn chính thức như Tổng cục Thống kê, Công khai ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính, các nghị quyết của Quốc hội về dự toán NSNN và các báo cáo điều hành kinh tế - xã hội của Chính phủ. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào giai đoạn 2021-2024 nhằm phản ánh bối cảnh phục hồi sau đại dịch COVID-19 và quá trình điều hành chính sách tài khóa trong điều kiện kinh tế nhiều biến động. Các chỉ tiêu sử dụng gồm tổng chi NSNN, tỷ lệ chi NSNN/GDP, cơ cấu chi NSNN, tăng trưởng GDP, CPI bình quân và bội chi NSNN.

Bài viết sử dụng thống kê mô tả, phân tích xu hướng, so sánh và tổng hợp. Các phương pháp này được dùng để phản ánh diễn biến của chi NSNN và các chỉ tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, nhận diện sự thay đổi về quy mô, cơ cấu chi ngân sách cũng như làm rõ mối liên hệ giữa chi NSNN với tăng trưởng, lạm phát và bội chi ngân sách. Trên cơ sở đó, nghiên cứu rút ra nhận định về vai trò của chi tiêu NSNN đối với ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam.

5. Thực trạng chi tiêu ngân sách nhà nước và kinh tế vĩ mô Việt Nam

5.1. Thực trạng chi tiêu ngân sách nhà nước ở Việt Nam

Giai đoạn 2021-2024, quy mô chi NSNN của Việt Nam tăng khá rõ. Tổng chi NSNN theo dự toán lần lượt đạt 1.687,0; 1.784,6; 2.076,244 và 2.119,428 nghìn tỷ đồng, trong khi GDP theo giá hiện hành đạt 8.487,5; 9.548,7; 10.221,8 và 11.511,9 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ chi NSNN/GDP tương ứng là 19,9%; 18,7%; 20,3% và 18,4%, cho thấy chi NSNN tăng về giá trị tuyệt đối nhưng được điều chỉnh tương đối linh hoạt theo yêu cầu điều hành tài khóa từng năm.

Bảng 1. Quy mô dự toán chi NSNN và tỷ lệ chi NSNN/GDP của Việt Nam giai đoạn 2021-2024

Năm	Tổng chi NSNN (nghìn tỷ đồng)	GDP theo giá hiện hành (nghìn tỷ đồng)	Chi NSNN/GDP (%)
2021	1.687,0	8.487,5	19,9
2022	1.784,6	9.548,7	18,7

2023	2.076,244	10.221,8	20,3
2024	2.119,428	11.511,9	18,4

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Xét về cơ cấu, chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi NSNN. Năm 2023, chi thường xuyên chiếm 56,5% tổng chi, trong khi chi đầu tư phát triển chiếm 35,0%. năm 2024, các tỷ lệ này lần lượt là 55,5% và 32,0%. Điều này cho thấy cơ cấu chi NSNN vẫn thiên về thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hơn là mở rộng chi đầu tư phát triển.

Bảng 2. Cơ cấu dự toán chi NSNN theo một số nhóm chi chủ yếu, năm 2023-2024

Chỉ tiêu	2023 (nghìn tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	2024 (nghìn tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng chi NSNN	2.076,2	100,0	2.119,428	100,0
Chi đầu tư phát triển	726,7	35,0	677,349	32,0
Chi thường xuyên	1.172,3	56,5	1.175,720	55,5
Các khoản còn lại	177,2	8,5	266,359	12,5

Nguồn: Dự toán NSNN năm 2023 và nghị quyết dự toán NSNN năm 2024.

Ở góc độ chấp hành ngân sách, quyết toán năm 2022 cho thấy tổng chi NSNN thực hiện cao hơn dự toán đầu năm, trong khi việc thực hiện năm 2023 chịu ảnh hưởng rõ bởi tiến độ giải ngân và điều kiện kinh tế vĩ mô. Điều này cho thấy hiệu quả tác động của chi NSNN không chỉ phụ thuộc vào mức phân bổ ban đầu mà còn gắn với năng lực giải ngân, kỷ luật tài khóa và chất lượng điều hành.

Nhìn chung, thực trạng chi NSNN giai đoạn 2021–2024 cho thấy ba đặc điểm chính: quy mô chi tiếp tục mở rộng, tỷ lệ chi NSNN/GDP duy trì quanh mức 18%–20% và chi thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng chủ đạo. Đây là cơ sở để tiếp tục phân tích mối liên hệ giữa chi NSNN với tăng trưởng, lạm phát và cân đối ngân sách.

5.2. Thực trạng ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam

Xét trên các chỉ tiêu chủ yếu như tăng trưởng GDP, lạm phát và bội chi NSNN, kinh tế vĩ mô Việt Nam giai đoạn 2021-2024 vừa cho thấy khả năng phục hồi, vừa đặt ra yêu cầu duy trì dư địa chính sách tài khóa thận trọng. Tăng trưởng GDP lần lượt đạt 2,58% năm 2021, 8,02% năm 2022, 5,05% năm 2023 và 7,09% năm 2024, phản ánh xu hướng phục hồi sau giai đoạn suy giảm do dịch bệnh dù có biến động giữa các năm.

Về lạm phát, CPI bình quân tăng từ 1,84% năm 2021 lên 3,63% năm 2024. Mặc dù có xu hướng tăng dần theo quá trình phục hồi kinh tế và tác động từ giá thế giới, lạm phát vẫn được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu tương đối an toàn.

Ở góc độ tài khóa, bội chi NSNN theo dự toán lần lượt là 4,0% GDP năm 2021, 4,0% năm 2022, 4,42% năm 2023 và 3,6% năm 2024. Điều này cho thấy Việt Nam chấp nhận mức bội chi nhất định để hỗ trợ phục hồi và phát triển nhưng vẫn duy trì trong giới hạn kiểm soát.

Tổng hợp lại, ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong giai đoạn nghiên cứu thể hiện ở ba điểm: tăng trưởng duy trì xu hướng phục hồi, lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát và bội chi ngân sách ở mức chấp nhận được. Đây là nền tảng để đánh giá vai trò của chi NSNN đối với ổn định kinh tế vĩ mô.

5.3. Phân tích tác động của chi tiêu ngân sách nhà nước đến ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam

Trên cơ sở số liệu giai đoạn 2021–2024, có thể nhận thấy chi tiêu NSNN có mối liên hệ chặt chẽ với diễn biến ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam. Tuy nhiên, với cách tiếp cận dựa trên số liệu thứ cấp và phân tích mô tả, nghiên cứu chủ yếu nhận diện xu hướng và mức độ liên hệ giữa các biến số, chưa khẳng định quan hệ nhân quả tuyệt đối.

Bảng 3. So sánh chi NSNN và một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô của Việt Nam giai đoạn 2021-2024

Năm	Chi NSNN (nghìn tỷ đồng)	Chi NSNN/GDP (%)	Tăng trưởng GDP (%)	CPI bình quân (%)	Bội chi NSNN/ GDP (%)
2021	1.687,0	19,9	2,58	1,84	4,00
2022	1.784,6	18,7	8,02	3,15	4,00
2023	2.076,244	20,3	5,05	3,25	4,42
2024	2.119,428	18,4	7,09	3,63	3,60

Nguồn: Tổng cục Thống kê và các nghị quyết dự toán NSNN của Quốc hội.

Xét trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế, chi NSNN nhìn chung có vai trò hỗ trợ nhưng mức độ tác động không đồng nhất giữa các năm. Năm 2021, tỷ lệ chi NSNN/GDP ở mức cao trong khi tăng trưởng thấp, phản ánh vai trò duy trì tổng cầu trong bối cảnh dịch bệnh. Năm 2022, dù tỷ lệ chi/GDP giảm, tăng trưởng phục hồi mạnh sau mở cửa nền kinh tế. Năm 2023, tỷ lệ chi/GDP tăng lên nhưng tăng trưởng giảm, cho thấy mở rộng chi NSNN có thể hỗ trợ tổng cầu song chưa đủ bù đắp toàn bộ tác động bất lợi từ bên ngoài. Năm 2024, tăng trưởng phục hồi trong khi tỷ lệ chi/GDP giảm, cho thấy hiệu quả ổn định vĩ mô không chỉ phụ thuộc vào quy mô chi tiêu mà còn gắn với bối cảnh kinh tế và chất lượng điều hành.

Trên phương diện kiểm soát lạm phát, việc duy trì quy mô chi NSNN ở mức lớn trong giai đoạn nghiên cứu không làm xuất hiện cú sốc giá cả đột biến. CPI bình quân tăng dần nhưng vẫn trong vùng kiểm soát, cho thấy tác động của chi NSNN đến lạm phát chưa mang tính trực tiếp hoặc tức thời, mà còn chịu ảnh hưởng của điều hành giá, chính sách tiền tệ, biến động giá hàng hóa thế giới và khả năng đáp ứng của cung trong nước.

Xét trong mối quan hệ với cân đối tài khóa, chi NSNN gia tăng về quy mô nhưng vẫn được đặt trong khuôn khổ kiểm soát bội chi. Điều này cho thấy mở rộng chi ngân sách trong giai đoạn phục hồi không đồng nghĩa với nói lỏng kỷ luật tài khóa, mà vẫn diễn ra trong giới hạn cho phép. Hàm ý ở đây là chi tiêu ngân sách có thể đồng thời hỗ trợ tăng trưởng và duy trì ổn định tài khóa nếu được thiết kế phù hợp với năng lực thu và dự địa vay nợ của NSNN.

Nhìn chung, chi tiêu NSNN ở Việt Nam giai đoạn 2021-2024 đã góp phần hỗ trợ phục hồi và ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, tác động này không mang tính tuyến tính và không chỉ phụ thuộc vào quy mô chi tiêu, mà còn gắn với cơ cấu chi ngân sách, hiệu quả giải ngân, chất lượng đầu tư công và mức độ phối hợp chính sách. Chi NSNN sẽ phát huy hiệu quả rõ hơn nếu được ưu tiên cho các khoản chi có khả năng lan tỏa cao, hỗ trợ năng lực sản xuất và củng cố tổng cung của nền kinh tế.

6. Hàm ý chính sách

Kết quả phân tích cho thấy, chi tiêu NSNN có vai trò quan trọng trong hỗ trợ tăng trưởng và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam. Tuy nhiên, hiệu quả của chi ngân sách không chỉ phụ thuộc vào quy mô chi mà còn chịu ảnh hưởng bởi cơ cấu chi, tiến độ thực hiện, hiệu quả sử dụng nguồn lực và mức độ phối hợp với các chính sách vĩ mô khác. Trên cơ sở này, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách sau.

Thứ nhất, cần tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư phát triển và kiểm soát chặt tốc độ gia tăng chi thường xuyên. Chi NSNN chỉ có thể hỗ trợ ổn định kinh tế vĩ mô một cách bền vững khi được ưu tiên cho các khoản chi có khả năng lan tỏa cao như kết cấu hạ tầng, chuyển đổi số, giáo dục, y tế và các lĩnh vực nâng cao năng lực cung của nền kinh tế.

Thứ hai, cần nâng cao chất lượng giải ngân đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình. Khoảng cách giữa dự toán và thực hiện có thể làm giảm tác động thực tế của chính sách tài khóa. Do đó, cải thiện tiến độ và chất lượng giải ngân cần được coi là giải pháp trọng tâm.

Thứ ba, việc mở rộng chi ngân sách cần gắn với yêu cầu giữ vững kỷ luật tài khóa, kiểm soát bội chi và bảo đảm an toàn nợ công. Chính sách tài khóa cần được điều hành linh hoạt nhưng thận trọng, theo hướng mở rộng có mục tiêu và đi kèm với lộ trình củng cố tài khóa phù hợp.

Thứ tư, cần tăng cường phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ. Do tác động của chi tiêu ngân sách đến tăng trưởng và lạm phát không mang tính tuyến tính, hiệu quả ổn định vĩ mô của chi NSNN chỉ được phát huy đầy đủ khi các chính sách được điều hành đồng bộ và hỗ trợ lẫn nhau.

Thứ năm, cần đẩy mạnh minh bạch ngân sách và ứng dụng công nghệ trong giám sát chi tiêu công. Việc công khai, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu về dự toán, thực hiện và quyết toán ngân sách sẽ góp phần nâng cao hiệu quả điều hành và tăng cường giám sát xã hội.

7. Kết luận

Bài viết phân tích tác động của chi tiêu NSNN đến ổn định kinh tế vĩ mô ở Việt Nam giai đoạn 2021–2024 trên cơ sở dữ liệu thứ cấp và các phương pháp thống kê mô tả, phân tích xu hướng, so sánh và tổng hợp. Kết quả cho thấy chi NSNN duy trì ở quy mô tương đối lớn so với GDP và tăng về giá trị tuyệt đối qua các năm. Trong cùng giai đoạn, kinh tế Việt Nam phục hồi sau đại dịch, với tăng trưởng cải thiện, lạm phát được kiểm soát và bội chi NSNN vẫn trong giới hạn cho phép. Điều này cho thấy, chi tiêu NSNN tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong hỗ trợ tăng trưởng và góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, tác động của chi tiêu NSNN còn gắn với cơ cấu chi tiêu, tiến độ giải ngân, chất lượng phân bổ nguồn lực công và khả năng phối hợp với chính sách tiền tệ. Tỷ trọng chi thường xuyên còn lớn cho thấy dư địa nâng cao hiệu quả tài khóa vẫn còn đáng kể, nhất là trong việc tăng cường vai trò của chi đầu tư phát triển đối với tăng trưởng dài hạn và ổn định vĩ mô. Từ đó, bài viết cho rằng, chính sách tài khóa ở Việt Nam cần tiếp tục được điều hành theo hướng linh hoạt nhưng thận trọng, trọng tâm là cơ cấu lại chi NSNN, nâng cao hiệu quả đầu tư công, kiểm soát bội chi và bảo đảm an toàn tài khóa. Đồng thời, cần tăng cường minh bạch ngân sách, cải thiện chất lượng thực thi và ưu tiên các khoản chi có khả năng nâng cao năng lực cung của nền kinh tế.

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2015). *Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015*.
2. Quốc hội (2020). *Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2020 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021*.
3. Quốc hội (2021). *Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2022*.
4. Quốc hội (2022). *Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023*.
5. Quốc hội (2023). *Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024*.
6. Tổng cục Thống kê (2025a). *Niên giám thống kê 2024*.
7. Tổng cục Thống kê (2025b). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024*.
8. Keynes, J. M. (1936). *The general theory of employment, interest and money*. Macmillan.
9. Tanzi, V., & Schuknecht, L. (2000). *Public spending in the 20th century: A global perspective*. Cambridge University Press.
10. World Bank (1997). *World development report 1997: The state in a changing world*. World Bank.
11. World Bank, Government of Vietnam. (2017). *Vietnam public expenditure review: Fiscal policies toward sustainability, efficiency, and equity*. World Bank.